

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/DS-PT

Ngày 08-01-2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Mai

Các Thẩm phán: Ông Trần Quốc Vũ

Ông Phạm Văn Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đăng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Châu, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 249/2020/TLPT-DS ngày 29 tháng 10 năm 2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2020/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020, của Toà án nhân dân huyện GD, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 322/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị Thanh T, sinh năm 1976; cư trú tại: Ô2, ấp BH, xã PB, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Nguyễn Lâm Q, sinh năm: 1980. Địa chỉ: ấp R, xã TP, huyện GD, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- Bị đơn: Chị Trương Thị Thu V, sinh năm 1974 và anh Võ Minh S, sinh năm 1978; cùng địa chỉ: số 1/32A, khu phố Nội Ô A, thị trấn GD, huyện GD, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Phương Thanh T1, sinh năm 1972; cư trú tại: Ô2, ấp BH, xã PB, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

- Người kháng cáo: Chị Trương Thị Thanh T là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07-5-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Khoảng cuối tháng 7 đầu tháng 8 năm 2019, chị V và anh S bắt đầu vay tiền của chị T nhiều lần. Tất cả các lần vay đều không làm giấy tờ, chị T không nhớ rõ ngày vay, số tiền lãi suất vay từng lần vì chị vay dùm cho chị V nên những người cho chị vay nói lãi suất bao nhiêu thì chị nói lại với chị V bấy nhiêu. Khi vay, có khi chị V và anh S cùng đến có khi 01 mình chị V đến, có khi anh S gọi điện thoại đến hỏi vay trước và sau đó chị V đến lấy. Vợ chồng chị V nói vay tiền để mua đất, mua xe, xây nhà, mua vàng, trả tiền ngân hàng, trả tiền chuộc lại đất của cha mẹ anh S đã thế chấp, mua đồ đạc trong nhà. Thực tế, sau khi vay chị V dùng tiền để làm gì chị T không biết. Những tài sản chị V nói vay để mua, chị T cũng không thấy có.

Sau khi vay, chị V có trả lãi nhưng không đầy đủ, không nhớ số lãi đã nhận bao nhiêu. Khoảng đầu năm 2020, chị T nhiều lần yêu cầu chị V trả tiền vốn nhưng chị V không trả nên chị T yêu cầu chị V viết giấy nợ. Ngày 11-02-2020, chị V viết giấy gút nợ và nhận còn nợ chị tổng số tiền là 3.020.000.000 đồng, chị V ghi “ngày 24-8-2019 có nhờ em tôi Tâm mượn dùm tôi Vân đến ngày 25-10-2019 là 3.020.000.000 đồng, hẹn cuối tháng 01-2020 âm lịch tôi Vân hoàn trả đầy đủ số tiền 3.020.000.000 đồng”.

Sau khi gút nợ, chị V có trả cho chị T số tiền 494.000.000 đồng, trả bằng tiền đô la Mỹ được quy ra tiền Việt Nam và một số là tiền Việt Nam, chị T không nhớ từng khoản đã trả, ngày trả, khi trả không làm giấy tờ. Số nợ còn lại là 2.526.000.000 đồng. Sau đó, chị T tiếp tục đòi nhưng không tìm được vợ chồng chị V do vợ chồng chị V bỏ nhà đi đâu không rõ. Từ đó, chị T khởi kiện vợ chồng chị V đến Tòa án, đồng thời yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là “Cấm xuất cảnh” với chị V và anh S và được Tòa án chấp nhận.

Nay chị T yêu cầu chị V có nghĩa vụ trả cho chị số tiền 2.526.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 01-3-2020 (ngày chị V vi phạm nghĩa vụ trả nợ) cho đến khi giải quyết xong vụ án. Số tiền này là nợ chung của vợ chồng chị V, dù chị V 01 mình ký giấy nợ nhưng anh S biết và sử dụng chung nên chị T yêu cầu cả chị V và anh S có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho chị.

Số tiền chị V, anh S vay được tính là tài sản chung của vợ chồng chị T nên yêu cầu chị V, anh S có nghĩa vụ trả cho chị T và chồng chị là anh Phương Thanh T1.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Chị V có vay tiền và ký tên vào giấy gút nợ số tiền 3.020.000.000 đồng vào ngày 11-02-2020 như lời chị T trình bày là đúng. Số nợ này chị V vay của chị T trong 08 lần, số tiền vay nhiều nhất là 600.000.000 đồng, thấp nhất là 70.000.000 đồng, lãi suất dao động từ 3% tháng đến 4,5%/tháng, khi vay chị V có ghi vào sổ theo dõi từng khoản vay nhưng không có ghi chú ngày vay nên không nhớ từng ngày vay cụ thể. Các lần vay hai bên không có ký giấy nợ. Sau khi vay chị V trả lãi đầy đủ cho chị T. Sau đó, các khoản

lãi ngưng trả vào các tháng 1, 3, 4 và 5-2020 trên từng khoản nợ. Khi trả lãi hai bên không có làm giấy tờ gì và cũng không ai biết.

Đối với việc chị T cho rằng anh S có đến nhận tiền và có gọi điện thoại hỏi vay tiền của chị T là không đúng, các lần giao dịch đều diễn ra giữa chị T và chị V, không có liên quan gì đến anh S.

Sau khi gút nợ chị V có trả cho chị T được số tiền 620.000.000 đồng, khi trả không có làm giấy và cũng không ai biết.

Nay nếu chị T không yêu cầu trả thêm phần tiền lãi thì chị V đồng ý trả số nợ gốc là 2.526.000.000 đồng. Nếu bên chị T vẫn yêu cầu trả lãi chị V chỉ chấp nhận nợ lại chị T là 2.400.000.000 đồng. Đồng thời, ông yêu cầu điều chỉnh lại phần tiền lãi mà chị V đã trả vượt quá quy định của pháp luật cho chị T, nhưng số tiền lãi chị V đã trả bao nhiêu chị V chưa cung cấp được.

Đây là nợ riêng của chị V vì khi chị V vay tiền, anh S không biết; chị V không dùng tiền sử dụng chung cho gia đình nên chỉ 01 mình chị V có nghĩa vụ trả nợ cho chị T và anh Tùng. Anh S không đồng ý liên đới cùng chị V trả nợ cho vợ chồng chị T anh Tùng

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phương Thanh T1 trình bày:* Thống nhất như lời trình bày của chị T

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2020/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2020, của Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh Tây Ninh quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Thanh T và anh Phương Thanh T1 đối với chị Trương Thị Thu V.

Buộc chị Trương Thị Thu V có nghĩa vụ trả cho chị Trương Thị Thanh T và anh Phương Thanh T1 số tiền 2.662.123.000 đồng (Hai tỷ sáu trăm sáu mươi hai triệu một trăm hai mươi ba ngàn đồng), trong đó bao gồm 2.526.000.000 đồng tiền vốn và 136.123.000 đồng tiền lãi.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Thanh T và anh Phương Thanh T1 về việc yêu cầu anh Võ Minh S phải cùng có nghĩa vụ với chị Trương Thị Thu V trả nợ cho chị T và anh Tùng.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2020/QĐ-ADBPKCTT ngày 15-5-2020 của Tòa án nhân dân huyện GD cho đến khi có quyết định khác.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 21-9-2020, nguyên đơn chị Trương Thị Thanh T kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, buộc vợ chồng chị V, anh S có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho vợ chồng chị.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.
- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, quá trình tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Võ Minh S và chị Trương Thị Thu V có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nói trên.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị đơn chị V, anh S ủy quyền cho người đại diện, tất cả đều có lời khai thống nhất với chị T về số tiền còn nợ và đồng ý trả nợ. Trong đó, anh S, chị V đều xác định rõ trong bản tự khai ngày 18-5-2020 (bút lục số 43, 44) số tiền vợ chồng anh còn nợ chị T là 2.526.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền nợ gốc, lãi cho chị T. Tuy nhiên, đến ngày 22-5-2020, chị V, anh S thay đổi người đại diện theo ủy quyền, theo đó, người đại diện của chị V, anh S trình bày khoản vay của chị T là nợ riêng của chị V, anh S không biết.

[3] Lời khai của bị đơn có sự mâu thuẫn, cấp sơ thẩm không làm rõ vì sao bị đơn thay đổi lời khai nhưng vẫn nhận định khoản nợ là nợ riêng của chị V. Do cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ nên cấp phúc thẩm triệu tập bị đơn là anh S, chị V để làm việc nhưng anh S, chị V không đến mà nộp thông báo hủy bỏ hợp đồng ủy quyền với người đại diện và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ cấp sơ thẩm đã thu thập được để xét xử, lời thừa nhận nợ chung của anh S được xem là chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ căn cứ xác định số tiền vay nêu trên là nợ chung của chị V, anh S.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh; sửa bản án sơ thẩm. Buộc vợ chồng chị V, anh S có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng chị T anh Tùng số tiền gốc và lãi là 2.662.123.000 đồng.

[5] Ngoài ra, cấp sơ thẩm tuyên xử về nghĩa vụ chậm thi hành án chưa đúng với hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên cũng cần sửa án về phần này.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chị V, anh S có nghĩa vụ liên đới trả tiền cho chị T, anh Tùng nên phải cùng chịu án phí tương ứng với nghĩa vụ phải thực hiện.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Căn cứ các Điều 92, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 466, 468 và 470 Bộ luật Dân sự; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận kháng cáo của chị Trương Thị Thanh T.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2020/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Thanh T và anh Phương Thanh T1 đối với chị Trương Thị Thu V, anh Võ Minh S.

Buộc chị Trương Thị Thu V, anh Võ Minh S có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Trương Thị Thanh T và anh Phương Thanh T1 số tiền 2.662.123.000 đồng (Hai tỷ sáu trăm sáu mươi hai triệu một trăm hai mươi ba nghìn đồng), trong đó bao gồm 2.526.000.000 đồng tiền vốn và 136.123.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

2.1. Án phí sơ thẩm dân sự: Buộc chị V, anh S phải nộp 85.242.000 đồng (tám mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn đồng). Hoàn trả cho chị T 43.891.000 đồng (Bốn mươi ba triệu tám trăm chín mươi một nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo các biên lai thu số 0000337 ngày 13-5-2020 và biên lai thu số 0012191 ngày 11-9-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

2.1. Án phí phúc thẩm dân sự: Các đương sự không phải chịu. Chị T được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0012215 ngày 21-9-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- TAND huyện GD;
- Chi cục THADS huyện GD;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Thị Hồng Mai

